TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2022/DS-ST
Ngày: 28-7-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Quý;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 30/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3218/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4047/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP E.

Địa chỉ: Tầng Q, Văn phòng số W Tòa nhà C, Số R đường T, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Bảo L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Lầu I, Số B đường Đ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 212/2021/EIB/UQ-TGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số P đường V, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hà Diệu H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số P đường V, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ông Hoàng Bảo L trình bày:

Ngày 08/05/2015, E ký Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV- 201500329 cho Ông Nguyễn Duy H vay số tiền 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng) với mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, E đã giải ngân và Ông Nguyễn Duy H đã nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201500852 ngày 08/05/2015:

- Số tiền vay : 500.000.000 đồng.

- Mục đích vay : Thanh toán tiền mua xe ô tô C.

- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày 08/05/2015 đến ngày 08/05/2020.

- Lịch trả nợ gốc : Trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng. Số tiền trả mỗi kỳ là 8.333.000 đồng. Kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 10/06/2015, kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 08/05/2020. Trả hết nợ gốc còn lại vào kỳ trả nợ cuối cùng.

- Lịch trả lãi : Vào ngày 10 hàng tháng.

- Lãi suất cho vay : 10%/năm áp dụng trong 01 năm đầu, lãi suất từ năm thứ 02 trở đi sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (lãi cuối kỳ) cộng (+) 4%/năm.

- Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất cho vay.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ông Nguyễn Duy H và Bà Hà Diệu H đã thế chấp cho E tài sản là Xe ô tô C, biển kiểm soát: 51C-XXX.XX, số khung: 8MK0FHGF, số máy: AFGH theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số ABCD do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/05/2015 đứng tên Ông Nguyễn Duy H. (Hợp đồng thế chấp số 136/2015/EIB-SG/KHCN/TCTS, công chứng số 013982 ngày 10/06/2015 tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/06/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ông Nguyễn Duy H chỉ trả cho E số tiền 75.237.337 đồng (nợ gốc: 50.310.000 đồng, nợ lãi: 24.927.337 đồng). Sau đó Ông Nguyễn Duy H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ đã quá hạn từ tháng 12/2015, E đã nhiều lần liên lạc với ông H, bà H nhưng ông, bà này vẫn không hợp tác, cố tình che giấu địa chỉ nơi cư trú và vị trí tài sản bảo đảm nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho E.

Tạm tính đến ngày 28/07/2022, Ông Nguyễn Duy H còn nợ E số tiền 933.705.244 đồng (Nợ gốc: 449.690.000 đồng; Lãi trong hạn: 117.492.809 đồng; Lãi quá hạn: 366.522.435 đồng).

Nguyên đơn yêu cầu:

- Buộc Ông Nguyễn Duy H thanh toán cho E toàn bộ số tiền nợ gốc lãi tạm tính đến ngày 28/07/2022 là 933.705.244 đồng (Nợ gốc: 449.690.000 đồng; Lãi trong hạn: 117.492.809 đồng; Lãi quá hạn: 366.522.435 đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 29/07/2022 đến khi Ông Nguyễn Duy H thanh toán hết nợ cho E theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ đã ký.

- Trường hợp Ông Nguyễn Duy H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì E có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản là Xe ô tô C, biển kiểm soát: 51C-XXX.XX, số khung: 8MK0FHFG, số máy: AFGDG theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số ABCD do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/05/2015 đứng tên Ông Nguyễn Duy H và theo Hợp đồng thế chấp số 136/2015/EIB-SG/KHCN/TCTS ngày 10/06/2015 để thu hồi nợ cho E.

- Nếu việc phát mãi tài sản bảo đảm trên không thu đủ nợ thì Ông Nguyễn Duy H có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán nợ cho E đến khi trả xong nợ.

Bị đơn là Ông Nguyễn Duy H không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải cho Ông Nguyễn Duy H, nhưng ông H vẫn không có mặt do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-201500329 ngày 08 tháng 5 năm 2015 cùng khế ước nhận nợ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Ông Nguyễn Duy H có hộ khẩu thường trú tại số X đường Đ, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện không cư trú tại địa phương và đi đâu không rõ.

Xét, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Cư trú, nên địa chỉ số X đường Đ, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng.

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn thường trú tại số X đường Đ, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định:

[2.1] Theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-201500329 ngày 08 tháng 5 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1401-LAV-201500852 ngày 08 tháng 5 năm 2015 cùng khế ước nhận nợ thì bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn tiền gốc, lãi Tạm tính đến ngày 28/07/2022, Ông Nguyễn Duy H còn nợ E số tiền 933.705.244 đồng (Nợ gốc: 449.690.000 đồng; Lãi trong hạn: 117.492.809 đồng; Lãi quá hạn: 366.522.435 đồng).

[3] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng nên toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng này dù chưa đến hạn cũng được chuyển sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại Mục 5.3 Phụ lục của hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-201500329 Ngày 08 tháng 5 năm 2015.

Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên cũng như quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các khoản 1 và 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (có hiệu lực thi hành tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng tín dụng), yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn... của hợp đồng vay, tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 28 tháng 7 năm 2022 là 933.705.244 đồng (Nợ gốc: 449.690.000 đồng; Lãi trong hạn: 117.492.809 đồng; Lãi quá hạn: 366.522.435 đồng).

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc tính từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, Ông Nguyễn Duy H đã ký Hợp đồng thế chấp số 136/2015/EIB-SG/KHCN/TCTS ngày 10 tháng 6 năm 2015 để thế chấp tài sản như sau: Xe ô tô C, biển kiểm soát: 51C-XXX.XX, số khung: 8MK0FHHN, số máy: AFGDG theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 065761 do Phòng Cảnh sát

giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/05/2015 đứng tên Ông Nguyễn Duy H. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 6 năm 2015 theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Việc thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và Điều 2, Điều 3 Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp nên yêu cầu này của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và các điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu 40.011.157 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP E.

Buộc Ông Nguyễn Duy H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP E tổng số tiền 933.705.244 đồng (Nợ gốc: 449.690.000 đồng; Lãi trong hạn: 117.492.809 đồng; Lãi quá hạn: 366.522.435 đồng) tính đến ngày 28/7/2022 của Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-201500329 ngày 08 tháng 5 năm 2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp Ông Nguyễn Duy H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP E được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là là Xe Xe ô tô C, biển kiểm soát: 51C-XXX.XX, số khung: 8MK0FHHN, số máy: AFGDG theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 065761 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/05/2015 đứng tên Ông Nguyễn Duy H. Theo Hợp đồng thế chấp số 136/2015/EIB-SG/KHCN/TCTS ngày 10 tháng 6 năm 2015; được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 6 năm 2015.

Nếu việc phát mãi tài sản bảo đảm trên không thu đủ nợ thì Ông Nguyễn Duy H có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán nợ cho E đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Duy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.011.157 đồng.

Hoàn lại Ngân hàng TMCP E số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 18.747.042 đồng theo biên lai số AA/2021/0005391 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Phúc Hảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Thị Phúc Hảo